

**CÔNG TY SẢN XUẤT VLXD
QUYẾT TIẾN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CVQT

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch
vụ bán trong nước hoặc xuất
khẩu

Hải Phòng, ngày 21 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty sản xuất VLXD Quyết Tiến gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/05/2026

Công ty sản xuất VLXD Quyết Tiến xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN CƠ**

- Họ và tên người nộp văn bản: Phạm Thị Liên
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 58 đường Từ Lạc, phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 0904996465
- Email: congtyquyettien388@gmail.com
- Số fax:

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN
(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)



Hải Phòng, ngày 21 tháng 05 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 01 ngày 21 tháng 05 năm 2026 của Công ty sản xuất VLXD Quyết Tiến về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
1	Đất đồi mỏ BuLu		M3	99.000	86.900	99.000	01/05/2026	12.100		Giá bán tại chân núi

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: Do chi phí đầu vào sản xuất phát sinh tăng: nhiên liệu, thuế đất, lãi vay, vật tư phụ tùng thiết bị máy móc.

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: Giá chưa thuế GTGT là 90.000đ/m3, thuế GTGT 10% là 9.000 đ/M3, tổng đơn giá đã bao gồm cả thuế là 99.000đ/M3.

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị thực hiện kê khai giá.
- (2) Số ký hiệu văn bản.
- (3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá



- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) và bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có) của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp kê khai giá lần đầu không bao gồm thông tin về mức giá kê khai kỳ trước, mức tăng giảm, tỷ lệ tăng giảm và nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa các lần kê khai giá.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, thực hiện kê khai mức giá ghi trên hóa đơn theo đồng Việt Nam, đồng ngoại tệ (nếu có) tại bảng kê khai, ghi chú thêm thông tin thị trường nước xuất khẩu, tỷ giá, ngày áp dụng tỷ giá và ngân hàng giao dịch.
- Trường hợp tại kỳ kê khai, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ định giá hoặc điều chỉnh nhiều mức giá khác nhau cho nhiều đối tượng khách hàng thì kê khai tất cả các mức giá áp dụng.

